

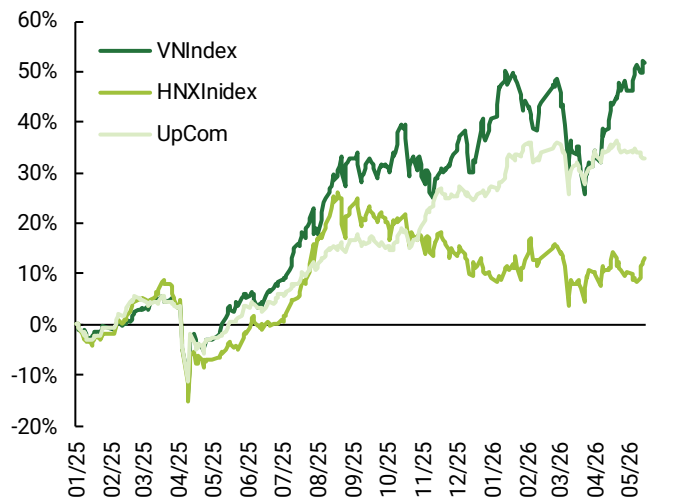
VN-Index **1921.6 (-0.20%)**
812 Tr. cổ phiếu 23192.0 Tỷ VND (4.00%)

HNX-Index **257.42 (0.92%)**
62 Tr. cổ phiếu 1089.7 Tỷ VND (29.62%)

UPCOM-Index **126.4 (0.04%)**
61 Tr. cổ phiếu 743.0 Tỷ VND (11.26%)

VN30F1M **2053.90 (-0.54%)**
191,954 HD OI: 31,459 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1921.6, giảm -3.9 điểm (-0.20%). Thanh khoản tăng nhẹ với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc đỏ ghi nhận ở VN30 trong khi HNXIndex tăng điểm.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Biến động ở nhóm cổ phiếu trụ tiếp tục ảnh hưởng lớn lên vận động của thị trường chung. Dòng tiền tiếp tục luân chuyển nhanh giữa các nhóm ngành, với tâm điểm nổi bật tại nhóm Dầu khí và Cao su.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Dầu khí: PVD (+1.4%), BSR (+5.0%), PLX (+5.9%) | Hóa chất: DPR (+3.1%), GVR (+4.3%), PHR (+6.9%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: NT2 (+2.4%), GAS (+6.9%). Diễn biến yếu trong phiên: Ngân hàng: VPB (-2.1%), BID (-1.4%), SSB (-1.2%) | Thực phẩm và đồ uống: IDI (-3.0%), MSN (-2.0%), VHC (-2.0%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (-2.4%), VTP (-2.4%), GMD (-1.7%) | Dịch vụ tài chính: VCI (-1.4%), ORS (-1.1%).
Tác động chỉ số: Chiều tăng | GAS, BSR, GVR, VHM, PLX - Chiều giảm | VIC, VPB, BID, HPG, MWG.
Khối ngoại: Bán ròng gần 800 tỷ, tập trung nhiều ở HPG, VHM, VPB, trong khi mua ròng BSR, VNM, MSB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Hammer, tuy nhiên, độ rộng thị trường vẫn nghiêng về phía số mã giảm, hàm ý áp lực bán đang chiếm ưu thế. Trạng thái phân hóa tiếp tục duy trì mức cao khi thị trường vận động quanh vùng đỉnh. Ở chiều thận trọng, nhóm cổ phiếu trụ đang dần xuất hiện dấu hiệu suy yếu sau giai đoạn nâng đỡ chỉ số, qua đó làm gia tăng rủi ro rung lắc và điều chỉnh ngắn hạn đối với thị trường chung. Về kỹ thuật, vùng kháng cự gần của VN-Index nằm quanh mốc 1950 điểm, trong khi vùng hỗ trợ đáng chú ý là ngưỡng 1860 – 1880 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số kết phiên với mẫu hình nến Gravestone Doji khi tiếp cận kháng cự 260, cho thấy lực cung chiếm ưu thế. Động lực chưa đủ mạnh để bứt phá, hàm ý vận động có thể hạ nhiệt củng cố lại vùng 252 – 256 điểm.
- **Chiến lược:** Trong bối cảnh dòng tiền phân hóa cao, chiến lược phù hợp là trading ngắn hạn, tận dụng các nhịp điều chỉnh đồng thời hạn chế tâm lý mua đuổi. Đối với các vị thế chưa vi phạm, NĐT có thể tiếp tục nắm giữ, trái lại, nếu xuất hiện tín hiệu phá vỡ hỗ trợ, cần giảm tỷ trọng nhằm kiểm soát rủi ro. Danh mục tổng thể nên duy trì ở mức cân bằng để hạn chế tác động từ những biến động vĩ mô bên ngoài. Các nhóm ngành đáng chú ý: Ngân hàng, Cao su, Cảng biển, Dầu khí.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Bán SIP (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,921.6 ▼	-0.2%	0.3%	6.7%	23,192.0 ▲	4.0%	-17.7%	-18.1%	811.9 ▲	10.0%	-14.1%	-14.6%
HNX-Index	257.4 ▬	0.9%	4.4%	1.9%	1,089.7 ▲	29.6%	32.3%	-46.4%	62.3 ▲	61.8%	27.5%	-45.0%
UPCOM-Index	126.4 ▬	0.0%	-0.7%	-1.9%	743.0 ▲	11.3%	-12.0%	-1.3%	61.3 ▲	87.9%	6.5%	62.5%
VN30	2,050.6 ▼	-0.9%	-1.1%	4.5%	14,620.2 ▲	7.5%	-5.7%	-8.9%	368.4 ▲	14.1%	-0.9%	-0.6%
VNMID	2,242.3 ▼	-0.4%	0.2%	-0.2%	7,019.7 ▼	-3.7%	-38.0%	-31.6%	302.0 ▲	5.1%	-39.6%	-35.9%
VNSML	1,392.5 ▼	-0.2%	-0.6%	-2.1%	708.3 ▼	-4.6%	-28.1%	-47.7%	52.2 ▲	4.0%	-12.4%	-41.5%
Theo ngành (VNINdex)												
Ngân hàng	653.0 ▼	-0.7%	0.32%	3.3%	5,681.4 ▼	-3.18%	-5.1%	9.1%	218.3 ▼	-7.9%	-10.9%	1.8%
Bất động sản	1,039.6 ▼	-0.3%	-0.4%	21.0%	3,749.8 ▼	-4.7%	-25.4%	-16.1%	124.9 ▲	14.5%	-9.8%	-1.4%
Dịch vụ tài chính	315.4 ▬	0.0%	-0.2%	-2.2%	2,090.3 ▼	-5.5%	-25.3%	-11.1%	91.4 ▼	-3.0%	-27.9%	-14.6%
Công nghiệp	299.3 ▼	-1.1%	-0.7%	9.3%	1,296.8 ▼	-28.0%	-24.4%	-1.8%	38.2 ▼	-6.2%	-17.5%	0.3%
Tài nguyên cơ bản	531.6 ▼	-1.7%	-2.6%	-3.3%	2,120.4 ▲	270.3%	104.5%	127.9%	83.8 ▲	242.5%	88.7%	117.1%
Xây dựng - Vật Liệu	174.4 ▼	-0.7%	0.3%	-3.4%	1,111.2 ▲	22.2%	-25.5%	-8.3%	52.2 ▲	31.6%	-21.1%	-7.8%
Thực phẩm	497.0 ▼	-0.4%	-8.5%	-28.8%	1,020.7 ▲	2.0%	-21.7%	-11.5%	23.3 ▲	15.0%	-17.7%	-9.8%
Bán Lẻ	1,503.9 ▼	-2.2%	-3.5%	0.0%	932.3 ▲	85.8%	17.4%	27.1%	11.6 ▲	71.5%	7.9%	22.2%
Công nghệ	394.1 ▼	-1.3%	1.2%	-3.0%	475.3 ▼	-72.2%	-53.2%	-36.8%	6.8 ▼	-71.7%	-60.9%	-40.8%
Hóa chất	196.9 ▲	3.3%	5.4%	8.9%	782.1 ▲	79.8%	0.5%	34.2%	20.2 ▲	66.5%	-2.4%	25.4%
Tiện ích	802.9 ▲	3.9%	10.0%	6.7%	646.5 ▼	-3.5%	8.7%	45.1%	16.7 ▼	-28.3%	-18.6%	-15.5%
Dầu khí	124.3 ▲	4.9%	19.0%	16.2%	1,192.2 ▲	40.5%	2.3%	83.5%	35.1 ▲	36.6%	-4.5%	63.4%
Dược phẩm	417.7 ▼	-0.5%	-0.5%	-1.9%	45.7 ▼	-19.7%	-41.2%	-12.0%	2.2 ▲	11.8%	-41.2%	0.0%
Bảo hiểm	105.1 ▼	-1.0%	1.1%	-8.2%	36.3 ▼	-10.1%	-48.5%	-33.1%	0.7 ▼	-6.8%	-45.1%	-35.2%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,921.6 ▼	-0.20%	7.7%	15.7x	2.2x
SET-Index	Thái Lan	1,518 ▼	-1.38%	20.5%	16.0x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	6,723 ▬	0.0000%	-22.2%	15.8x	1.8x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,895 ▼	-0.29%	4.8%	17.0x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	5,977 ▼	-0.64%	-1.3%	9.1x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,135 ▼	-1.02%	4.2%	19.2x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	25,963 ▼	-1.615%	1.3%	13.7x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	61,409 ▼	-1.99%	22.0%	23.2x	2.9x
S&P 500	Mỹ	7,501 ▬	0.77%	9.6%	29.4x	5.9x
Dow Jones	Mỹ	50,063 ▬	0.75%	4.2%	25.6x	5.7x
FTSE 100	Anh	10,227 ▼	-1.41%	3.0%	16.7x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,829 ▼	-1.78%	0.7%	17.0x	2.4x
DXY		99.1 ▬	0.58%	0.8%		
USDVND		26,357 ▬	0.05%	0.2%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

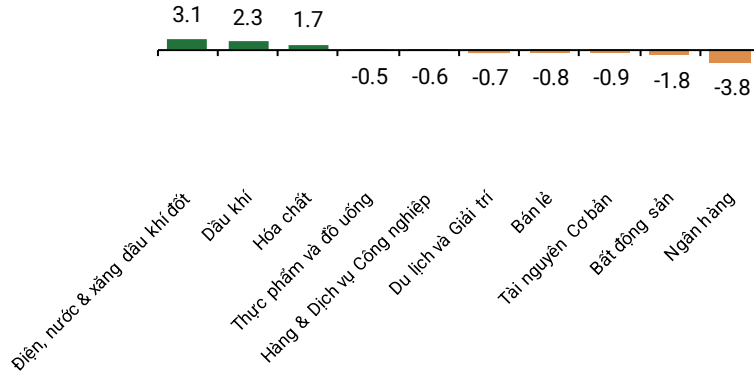
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	2.70%	14.4%	78.4%	68.2%
Dầu WTI	▲	3.32%	14.5%	82.0%	69.6%
Khí gas	▲	1.0%	12.0%	-20.7%	-13.0%
Than cốc (*)	▬	0.0%	6.9%	6.9%	13.2%
Thép HRC (*)	▼	0.0%	5.4%	6.3%	4.4%
PVC (*)	▼	-2.3%	-4.1%	9.1%	0.2%
Phân Urea (*)	▼	-3.2%	-10.2%	82.8%	96.6%
Cao su thiên nhiên	▼	-0.4%	8.7%	23.0%	26.2%
Bông Cotton	▼	-1.9%	9.6%	28.1%	25.9%
Đường	▬	0.1%	11.1%	0.0%	-15.1%
World Container Index	▲	11.7%	10.6%	15.4%	14.3%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-1.2%	-22.8%	82.0%	143.0%
Vàng	▼	-1.94%	-4.8%	5.6%	40.8%
Bạc	▼	-5.57%	-0.1%	10.1%	141.6%

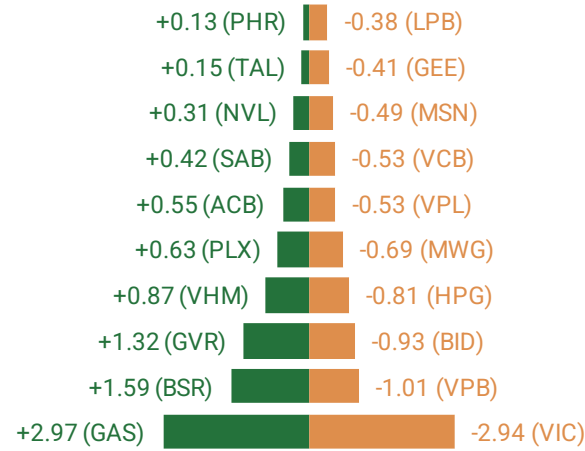
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

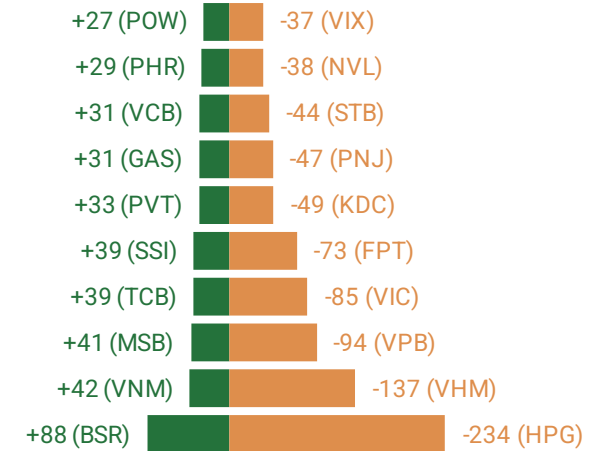
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



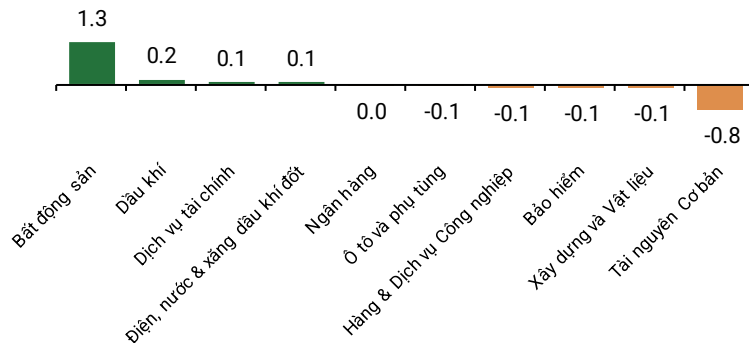
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



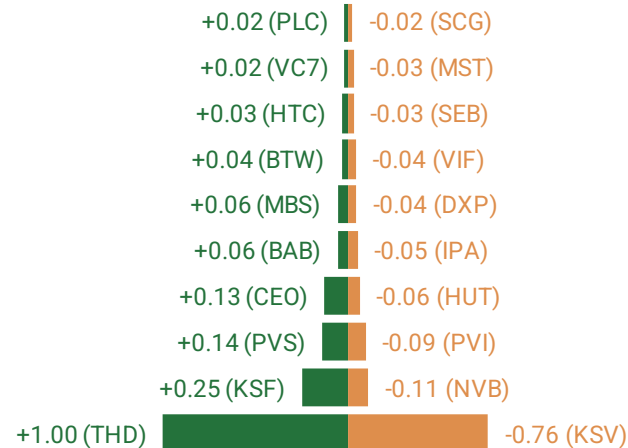
TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



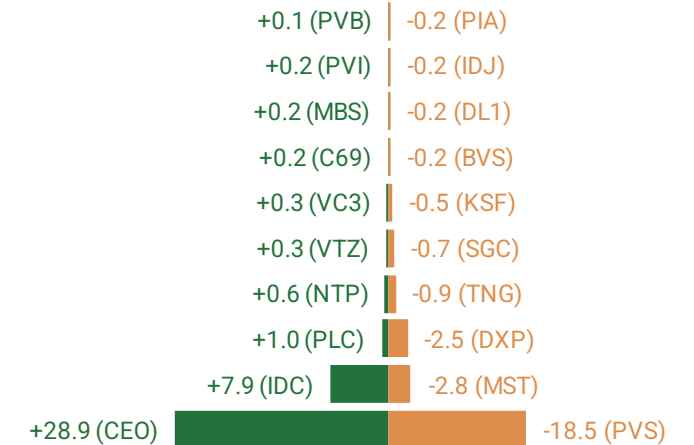
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



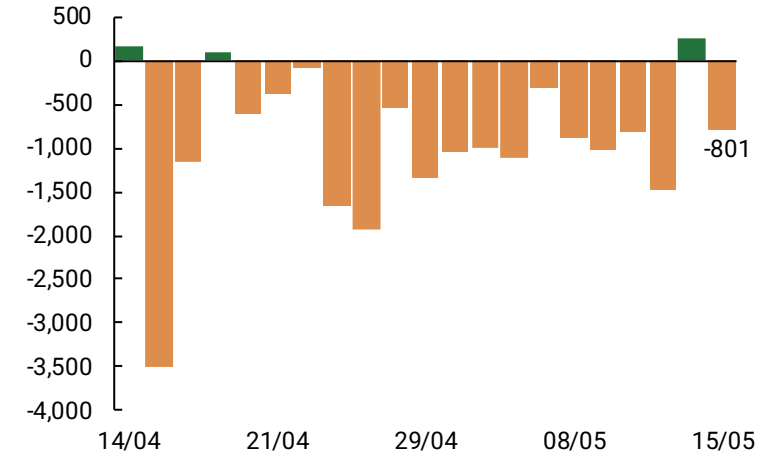
	HPG	VIC	TCB	VHM	BSR
%DoD	-1.8%	-0.8%	0.1%	0.6%	5.0%
Giá trị	2,022	892	777	758	610

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VJC	MWG	ACB	VPI	SHB
%DoD	-1.0%	-2.6%	2.2%	-0.3%	-0.7%
Giá trị	1,356	276	93	90	87

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



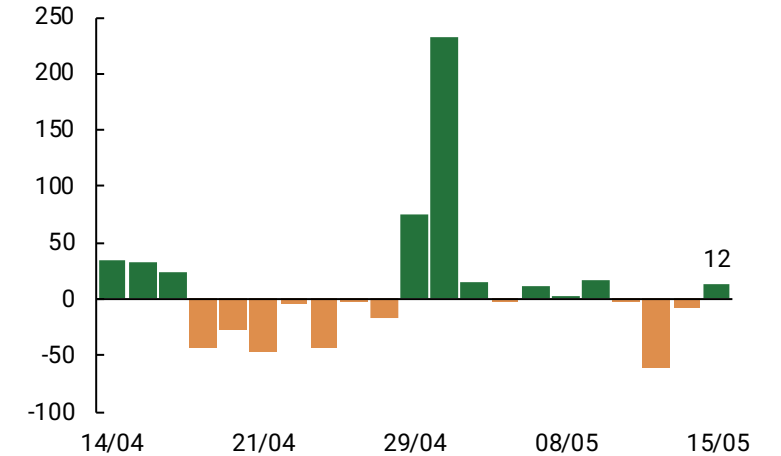
	CEO	PVS	SHS	IDC	MBS
%DoD	2.3%	1.2%	0.0%	-0.2%	0.5%
Giá trị	280	202	109	57	39

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	SHS	BVS	BNA	ADC	ADC
%DoD	0.0%	0.4%	5.2%	0.0%	0.0%
Giá trị	74	8	1	0	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Hammer, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1850 | 1800.
- ✓ Kháng cự: 1920 | 1950.
- ✓ MACD hạ nhiệt, RSI giảm từ vùng quá mua.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố lại đà.

Kịch bản: Vn-Index quay lại trên ngưỡng tâm lý 1900 điểm nhưng hụt thanh khoản, hàm ý dòng tiền mua lên chưa đồng thuận. Các chỉ báo kỹ thuật cải thiện ở mức tương đối, chưa quay lại đủ mạnh để xác nhận động lực. Kháng cự gần là ngưỡng 1950 điểm. Trong khi áp lực hạ nhiệt vẫn hiện hữu nếu các mã trụ mất đà, với hỗ gần quanh khu vực 1860 – 1880 điểm



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến giảm thân lớn, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 2040 | 2000.
- ✓ Kháng cự: 2100 | 2150.
- ✓ MACD hạ nhiệt, RSI giảm từ vùng quá mua.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố lại đà.

Kịch bản: Vận động trở lại trạng thái đi ngang lưỡng lực, dù vậy, áp lực điều chỉnh có phần chi phối hơn. Trường hợp chỉ số trở lại vận động trên ngưỡng 2075 có thể kỳ vọng nhịp hồi hướng đến vùng đỉnh cũ. Trái lại, nếu lực cầu suy yếu, VN30 có thể tiếp tục hạ nhiệt củng cố thêm vùng 2000 – 2040 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	SIP	SELL	Current price	54.0		P/E (x)	10.0
Exchange	HOSE		Action price	56.5 - 57		P/B (x)	2.4
Sector	Real Estate Holding & Development		Selling price	(18/5)	54 - 54.5	-4.2%	EPS
						ROE	25.6%
						Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

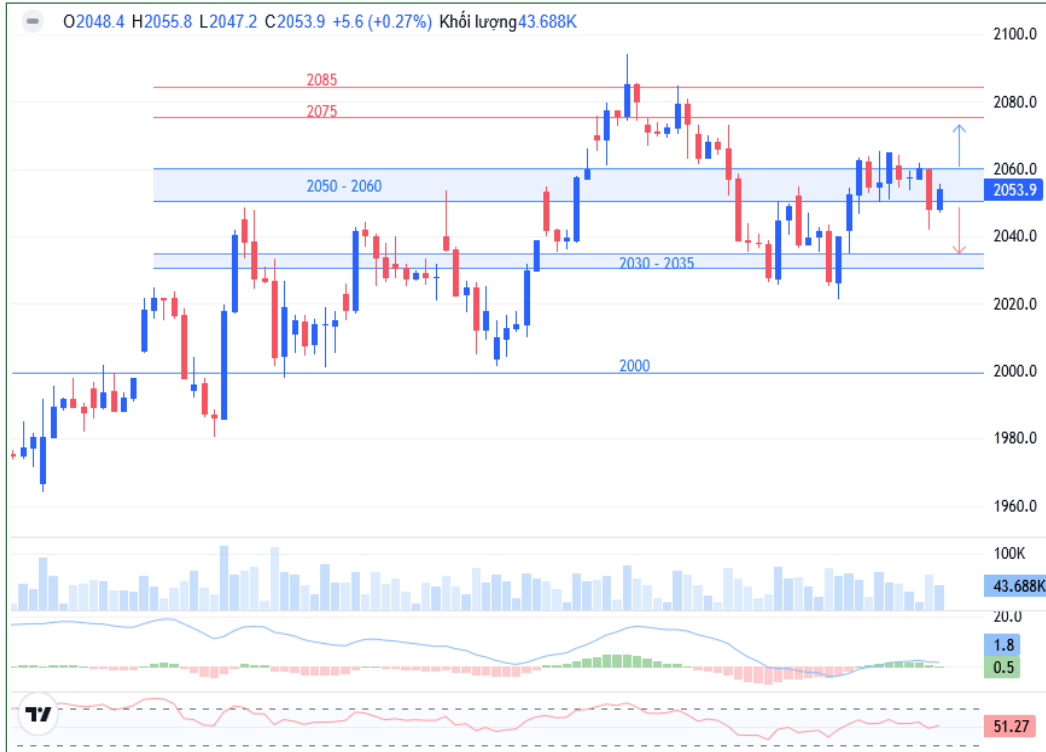
- Giá lùi về dưới ngưỡng MA20, MA50 ngày
 - Chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu và giảm về miền âm, trong khi RSI cũng giảm dưới ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng vi phạm.
 - Rủi ro cao hơn nếu giá tiếp tục đánh mất ngưỡng 54.
- ➔ Xu hướng tăng vi phạm và rủi ro tiếp tục điều chỉnh.
- ➔ Khuyến nghị Bán, có thể tận dụng tín hiệu hồi kỹ thuật trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	SIP	Bán	18/05/2026	54.00	54 - 54.5	-4.20%	64	12.9%	53	-6.5%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	VIB	Mua	09/04/2026	-	16.1	16.2 - 16.3	-0.9%	17.7	8.92%	15.5	-4.62%	
2	HPG	Mua	14/04/2026	-	26.55	27.1 - 27.3	-2.4%	30	10.29%	25.5	-6.25%	Cổ tức tiền mặt 11/05 - 500 đồng/cp
3	MBB	Mua	05/05/2026	-	25.65	25.9 - 26.1	-1.3%	29	11.54%	24.4	-6.15%	
4	MWG	Mua	08/05/2026	-	82	84 - 84.6	-2.7%	94	11.51%	80	-5.10%	
5	MSN	Mua	11/05/2026	-	77.5	78.5 - 79	-1.6%	88	11.68%	75	-4.82%	
6	FOX	Mua	14/05/2026	-	84.0	83 - 84	0.6%	94	12.57%	77	-7.78%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2053.9, giảm 11.2 điểm (-0.5%). Thanh khoản giảm so với phiên trước và dưới mức bình quân 20 phiên. Áp lực điều chỉnh chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch, dù có nhiều rung lắc..
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD thu hẹp độ dốc với đường tín hiệu, cùng RSI cũng hạ nhiệt về mức trung bình, hàm ý áp lực điều chỉnh trở lại chi phối. Giá có thể trở lại rung lắc, kiểm định thêm qua khu vực 2050 – 2060. Vị thế Long cân nhắc khi giá bứt phá và củng cố được trên ngưỡng 2060. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 2048.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1975.3, giảm 9.3 điểm (-0.5%). Độ lệch basis 7.6 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 29 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1970 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1990 điểm.

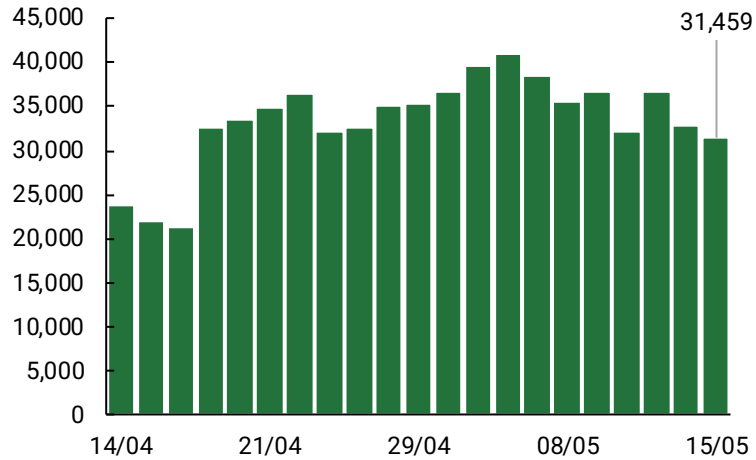
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 2060	2072	2052	12 : 8
Short	< 2048	2035	2057	13 : 9

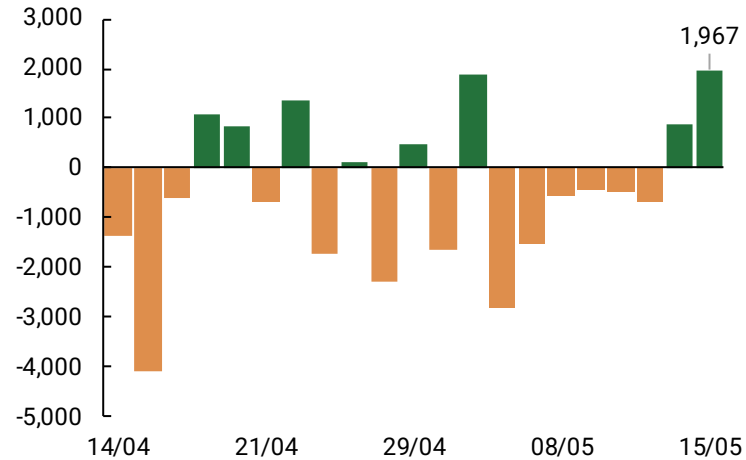
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111GC000	2,047.6	-16.3	16	58	2,069.0	-21.4	17/12/2026	216
4111G9000	2,051.4	-8.6	58	367	2,061.2	-9.8	17/09/2026	125
4111G6000	2,048.9	-13.1	1,815	4,567	2,053.5	-4.6	18/06/2026	34
4111G5000	2,053.9	-11.2	191,954	31,459	2,051.1	2.8	21/05/2026	6
4112G5000	1,975.3	-9.3	29	27	1,983.4	-8.1	21/05/2026	6

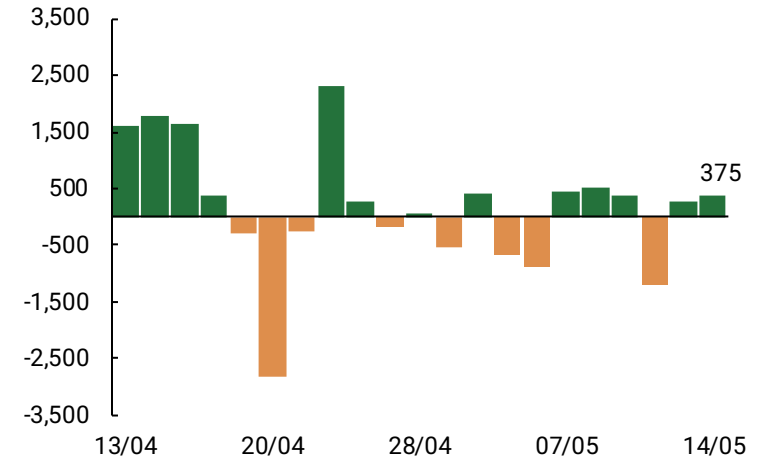
Khối lượng mở (Open interest)



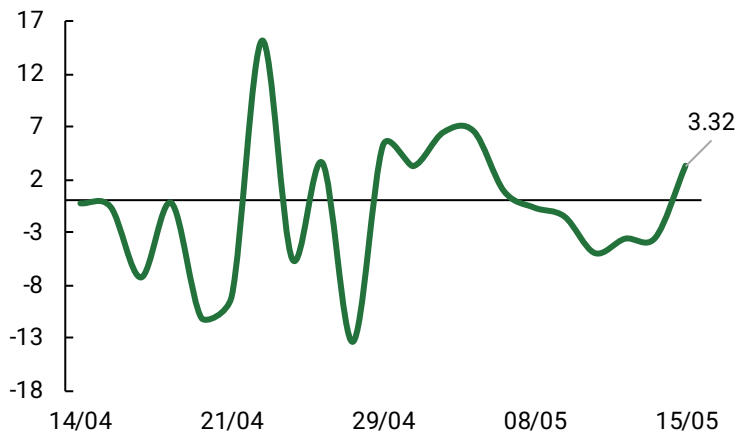
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



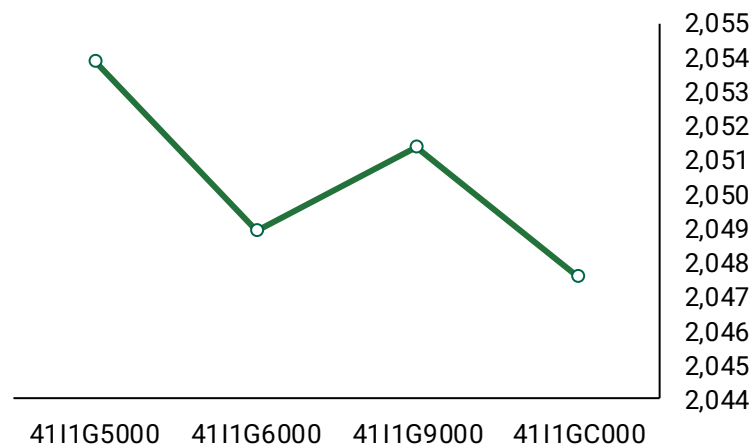
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



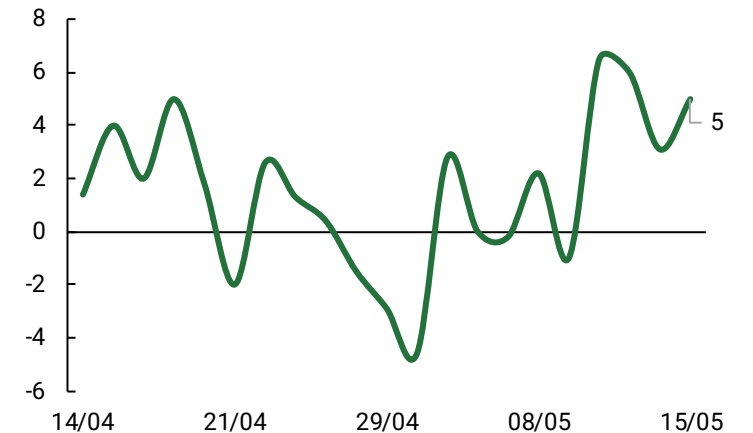
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



01/05	Vietnam & Mỹ - Chỉ số PMI
03/05	Việt Nam – Báo cáo kinh tế - xã hội tháng 4/2026
08/05	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
09/05	Mỹ - Các thành viên FOMC phát biểu
11/05	Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
12/05	Mỹ– Chỉ số CPI
13/05	Mỹ - Chỉ số PPI Việt Nam – Công bố danh mục (MSCI)
14/05	Mỹ - Doanh số bán lẻ
18/05	Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
21/05	Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng tương lai Mỹ – Biên bản cuộc họp FOMC
28/05	Mỹ - Ước tăng trưởng GDP (lần 2), Chỉ số PCE lõi
31/05	Trung Quốc - Chỉ số PMI

THÔNG TIN VĨ MÔ

Mỹ - Trung vạch giới hạn trong cạnh tranh siêu cường: Mỹ và Trung Quốc lần đầu thống nhất xây dựng quan hệ “ổn định chiến lược mang tính xây dựng”, nhằm thiết lập giới hạn cho cạnh tranh siêu cường và giảm nguy cơ xung đột trực diện. Hai bên nhấn mạnh duy trì hợp tác, kiểm soát bất đồng và tăng cường các cơ chế đối thoại về thương mại, công nghệ, Đài Loan và quản trị khủng hoảng. Tuy nhiên, giới phân tích cho rằng vấn đề Đài Loan vẫn là “lằn ranh đỏ” lớn nhất trong quan hệ song phương và sẽ là phép thử cho mức độ bền vững của khuôn khổ mới này.

TPHCM dẫn đầu cả nước về Chỉ số hiệu quả kinh tế tư nhân: TP.HCM dẫn đầu cả nước về Chỉ số hiệu quả kinh tế tư nhân (BPI) năm 2025 với 5.67 điểm, vượt Hà Nội và Quảng Ninh. Thành phố hiện có mật độ doanh nghiệp cao nhất cả nước với 23.75 doanh nghiệp/1,000 dân, đồng thời ghi nhận tỷ lệ doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng nước ngoài và hoạt động R&D ở mức cao. Kết quả này phản ánh môi trường kinh doanh và năng lực đổi mới sáng tạo của khu vực tư nhân tiếp tục cải thiện, qua đó củng cố vai trò đầu tàu tăng trưởng kinh tế của TP.HCM trong thời gian tới.

Cảnh báo mới về giá dầu thế giới: Các tổ chức phân tích tiếp tục cảnh báo rủi ro giá dầu tăng mạnh do căng thẳng tại eo biển Hormuz và nguy cơ gián đoạn nguồn cung năng lượng toàn cầu. Goldman Sachs đã nâng dự báo giá dầu Brent cuối năm lên 90 USD/thùng, trong khi một số kịch bản cực đoan cho thấy giá dầu có thể vượt 120 USD/thùng nếu tình hình leo thang.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

VIC – Vingroup lập kỷ lục chưa từng có, lớn hơn 10% GDP Việt Nam: Vingroup (mã VIC) đạt mức giá cổ phiếu gần 230,000 đồng/cp, mức cao nhất lịch sử, đẩy vốn hóa gần 1.8 triệu tỷ đồng, lớn hơn 10% GDP năm 2025 và gấp 3.5 lần Vietcombank. Giá trị tài sản của Chủ tịch Phạm Nhật Vượng tăng lên 36.3 tỷ USD, tăng gần 1 tỷ USD trong một ngày, đưa ông vào vị trí 60 thế giới. Đà tăng được hỗ trợ bởi tín hiệu tích cực khi VinFast lên kế hoạch mua lại tài sản tại Hải Phòng và Hà Tĩnh, trị giá 13,309.6 tỷ đồng.

TCB – Techcombank sắp trở thành ngân hàng đầu tiên vượt 110,000 tỷ vốn điều lệ: Techcombank công bố kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 113,739 tỷ đồng, mức cao nhất ngành, thông qua phát hành gần 4.29 tỷ cổ phiếu, trong đó 4.25 tỷ từ nguồn vốn chủ sở hữu và 35.9 triệu cổ phiếu ESOP. Sau tăng vốn, ngân hàng sẽ dẫn đầu vốn điều lệ Việt Nam, vượt các Big 4 hiện tại. Ngoài ra, Techcombank sẽ chi cổ tức tiền mặt 7% (700 đồng/cổ phiếu) cho hơn 7 tỷ cổ phiếu lưu hành, khoảng 4,900 tỷ đồng, thanh toán ngày 10/6. Đây là tín hiệu tích cực cho tiềm năng tăng trưởng và lợi nhuận.

ACV – Đối mặt khó khăn khi sân bay quốc tế không có chuyến bay quốc tế: Cảng Hàng không Việt Nam đang đối mặt khó khăn khi sân bay quốc tế Cần Thơ suốt năm không có chuyến bay quốc tế, khiến lưu lượng khách chưa phục hồi đầy đủ so với trước dịch COVID-19. ACV cho biết mục tiêu sắp tới là mở lại và khai sinh thêm các đường bay thẳng quốc tế, tập trung vào Hàn Quốc, Malaysia, Thái Lan và các thị trường khác, nhằm tăng công suất khai thác. Đã có cuộc làm việc với UBND TP. Cần Thơ để định hướng mới, nhưng kết quả chưa hiện hữu.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	54,000	73,400	35.9%	Mua
CTG	35,800	45,200	26.3%	Mua
CTD	76,600	82,900	8.2%	Nắm giữ
DBD	50,100	68,000	35.7%	Mua
DDV	26,666	35,900	34.6%	Mua
DGW	42,400	47,500	12.0%	Tăng tỷ trọng
DPG	40,100	42,900	7.0%	Nắm giữ
DPR	44,200	46,500	5.2%	Nắm giữ
DRI	15,171	17,200	13.4%	Tăng tỷ trọng
EVF	13,650	14,400	5.5%	Nắm giữ
FRT	134,000	157,600	17.6%	Tăng tỷ trọng
GMD	79,900	94,900	18.8%	Tăng tỷ trọng
HAH	57,500	60,300	4.9%	Nắm giữ
HDG	24,750	34,000	37.4%	Mua
HHV	12,050	12,300	2.1%	Nắm giữ
HPG	26,550	33,800	27.3%	Mua
IMP	47,050	55,000	16.9%	Tăng tỷ trọng
KDH	23,400	38,800	65.8%	Mua
MCH	133,000	177,200	33.2%	Mua
MWG	82,000	115,600	41.0%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	25,650	34,000	32.6%	Mua
NLG	26,500	39,900	50.6%	Mua
NT2	23,200	27,700	19.4%	Tăng tỷ trọng
PHR	71,300	72,800	2.1%	Nắm giữ
PNJ	67,300	75,500	12.2%	Tăng tỷ trọng
PVS	41,000	39,900	-2.7%	Giảm tỷ trọng
PVT	24,050	18,900	-21.4%	Bán
POW	14,100	15,000	6.4%	Nắm giữ
SAB	48,550	57,900	19.3%	Tăng tỷ trọng
SSI	27,900	32,100	15.1%	Tăng tỷ trọng
TLG	50,000	50,900	1.8%	Nắm giữ
TCB	34,050	42,400	24.5%	Mua
TCM	23,050	37,900	64.4%	Mua
TRC	77,100	94,800	23.0%	Mua
VCB	60,700	84,200	38.7%	Mua
VPB	27,550	36,500	32.5%	Mua
VCG	21,600	26,200	21.3%	Mua
VHC	60,000	60,000	0.0%	Nắm giữ
VNM	59,800	66,650	11.5%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801